

Số: /KH-UBND Tam Đường, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 huyện Tam Đường

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 2255/KH-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Lai Châu về thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 45/NQ-HĐND ngày 17/12/2020 của HĐND huyện Tam Đường về kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm, giai đoạn 2021-2025; UBND huyện Tam Đường ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Chương trình) với các nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ vào điều kiện của địa phương, đảm bảo thực hiện Chương trình hiệu quả, phù hợp với các quy định, góp phần thực hiện mục tiêu Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025.

- Huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội tham gia thực hiện Chương trình.

- Kế hoạch được phê duyệt là căn cứ để xây dựng kế hoạch hằng năm, là cơ sở để xác định các nhiệm vụ trọng tâm, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đến năm 2025.

2. Yêu cầu

- Các cơ quan, ban, ngành đoàn thể huyện; UBND cấp xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ chủ động triển khai các dự án, tiêu dự án thuộc Chương trình; gắn việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, tiến độ, chất lượng triển khai với trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp, cơ quan, ban,

ngành, đơn vị.

- Việc tổ chức triển khai các dự án, tiểu dự án của Chương trình phải phù hợp với các quy định và điều kiện thực tế trên địa bàn.

- Thực hiện lồng ghép hiệu quả, đúng quy định các nguồn lực để hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ; phát huy vai trò làm chủ của người dân từ khâu xây dựng kế hoạch, đến tổ chức thực hiện, giám sát, đánh giá hiệu quả chương trình.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát: Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều. Tập trung các nguồn lực, giải pháp hỗ trợ hộ nghèo vượt lên mức sống tối thiểu, tiếp cận được các dịch vụ xã hội cơ bản gồm: Y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, tiếp cận thông tin và việc làm; giảm thiểu tối đa hộ tái nghèo và phát sinh mới; thu hẹp khoảng cách giữa hộ giàu và hộ nghèo, giữa khu vực thành thị và nông thôn, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và an sinh xã hội bền vững, hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của huyện giai đoạn 2021-2025.

2. Mục tiêu cụ thể

- Phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều bình quân trên 5%/năm.

- 100% xã thoát khỏi tình trạng xã đặc biệt khó khăn.

- 50% bản đặc biệt khó khăn thoát khỏi tình trạng bản đặc biệt khó khăn.

3. Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu cần đạt được đến năm 2025

a) Các kết quả và chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình

- Phân đầu giảm 2/3 số hộ nghèo và hộ cận nghèo so với đầu kỳ theo chuẩn nghèo đa chiều.

- Đào tạo nghề cho trên 5.000 lao động, trong đó có 3.960 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Giải quyết việc làm cho trên 5.500 lao động, trong đó có 3.480 lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

- Đảm bảo 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có đủ điều kiện, có nhu cầu vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh được tiếp cận với nguồn vốn vay.

- Trên 95% mô hình, dự án giảm nghèo phát triển sản xuất đảm bảo tạo sinh kế, việc làm, thu nhập cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn vùng khó khăn.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cơ bản về quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; lập kế hoạch có sự tham gia, xây dựng kế hoạch phát triển cộng đồng và nghiệp vụ giảm nghèo.

b) Các chỉ tiêu giải quyết mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản

- **Chiều thiếu hụt về việc làm:** 100% người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo có nhu cầu được hỗ trợ kết nối, tư vấn, định hướng nghề nghiệp, cung cấp thông tin thị trường lao động, hỗ trợ tìm việc làm; hỗ trợ cho khoảng 79 lao động tại xã đặc biệt khó khăn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- **Chiều thiếu hụt về y tế:** 100% người thuộc hộ gia đình nghèo, hộ cận nghèo, người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, người sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được cấp thẻ BHYT theo quy định. Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 14,98%; thể thấp còi dưới 21,3%.

- **Chiều thiếu hụt về giáo dục, đào tạo:** Tỷ lệ học sinh đến trường mẫu giáo trên 98%; trẻ em trong độ tuổi tiểu học đạt trên 98%; trung học cơ sở trên 95%.

Phần đầu tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo qua đào tạo đạt 60%, trong đó có bằng cấp chứng chỉ đạt 20%.

- **Chiều thiếu hụt về nhà ở:** Phần đầu 50% hộ nghèo còn khó khăn về nhà ở được hỗ trợ từ các chương trình như làm nhà đại đoàn kết từ nguồn Quỹ Vì người nghèo các cấp, nguồn vốn lồng ghép, sự ủng hộ của tổ chức, cá nhân, cộng đồng... đảm bảo có nhà ở ổn định.

- **Chiều thiếu hụt về nước sinh hoạt và vệ sinh:** 90% dân số thị trấn được sử dụng nước sạch qua hệ thống cung cấp nước tập trung; 100% dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; khoảng 65% hộ nghèo, hộ cận nghèo sử dụng nhà tiêu hợp vệ sinh.

- **Chiều thiếu hụt về thông tin:** 85% hộ nghèo, hộ cận nghèo có nhu cầu được tiếp cận sử dụng các dịch vụ viễn thông, internet; 90% các hộ nghèo, cận nghèo được tiếp cận thông tin về giảm nghèo bền vững thông qua các hình thức xuất bản phẩm, sản phẩm truyền thông.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Phạm vi thực hiện: Kế hoạch thực hiện trên phạm vi toàn huyện, trọng tâm là các xã, bản đặc biệt khó khăn.

2. Đối tượng

a) Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng, kể từ thời điểm hộ được cấp có thẩm quyền công nhận thoát nghèo) trên địa bàn huyện. Ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng; trẻ em, người khuyết tật, phụ nữ thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, tổ chức dịch vụ việc làm, doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn huyện.

c) Các tổ chức, cá nhân liên quan.

3. Thời gian thực hiện: Từ năm 2022 đến hết năm 2025.

IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ THEO TỪNG DỰ ÁN THÀNH PHẦN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Mục tiêu, nhiệm vụ: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng, phát triển và nhân rộng các mô hình, dự án giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế bền vững, thu nhập tốt, nâng cao chất lượng cuộc sống và thích ứng với biến đổi khí hậu, dịch bệnh cho người nghèo; góp phần thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát huy các giá trị văn hóa của dân tộc, bảo vệ môi trường, tăng trưởng kinh tế và mục tiêu giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng, nội dung hỗ trợ: Quy định tại khoản b, khoản c tiêu mục 2 Mục III Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Phân công thực hiện

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện:

+ Triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Thông tư số 09/2022/TT-BLĐTBXH ngày 25 tháng 5 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các văn bản hướng dẫn của HĐND, UBND tỉnh; hướng dẫn UBND cấp xã được giao kinh phí thực hiện các nội dung đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo theo quy định.

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện dự án trên địa bàn theo quy định.

- Ủy ban nhân dân cấp xã được giao kinh phí tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn đảm bảo hiệu quả, phù hợp với các quy định, tránh để kết dư vốn; lựa chọn các mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo hiệu quả, phù hợp định hướng phát triển sản xuất ở địa phương, có khả năng nhân rộng; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn theo quy định.

d) Nguồn vốn thực hiện: Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 23.094 triệu đồng;

Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương theo quy định tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

2.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Mục tiêu, nhiệm vụ: Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm nghiệp; đẩy mạnh phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao nhằm đổi mới phương thức, kỹ thuật sản xuất, bảo đảm an ninh lương thực, đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng, tăng thu nhập; gắn với quy hoạch sản xuất, đề án chuyển đổi cơ cấu sản xuất của địa phương theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất, phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất, thoát nghèo bền vững.

b) Đối tượng, nội dung hỗ trợ: Quy định tại khoản a tiểu mục 3 Mục III Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Phân công thực hiện

- Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện:

+ Triển khai thực hiện các nội dung quy định tại Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn thực hiện nội dung hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 và các văn bản hướng dẫn của HĐND, UBND tỉnh; hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã được giao kinh phí tổ chức thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp theo quy định, đảm bảo tiến độ và chất lượng giải ngân, tránh để kết dư vốn.

+ Kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Ủy ban nhân dân các xã được giao kinh phí tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn đảm bảo hiệu quả, phù hợp với các quy định; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn theo quy định.

d) Nguồn vốn thực hiện: Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 9.400 triệu đồng;

Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương theo quy định tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Mục tiêu, nhiệm vụ: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm vóc của trẻ em dưới 16 tuổi thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và trẻ em sinh sống trên địa bàn huyện nghèo.

b) Đối tượng, nội dung hỗ trợ: Quy định tại khoản b tiểu mục 3 Mục III Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Phân công thực hiện

- Trung tâm Y tế huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; hướng dẫn thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo theo quy định.

- Ủy ban nhân dân các xã được giao kinh phí tổ chức thực hiện tổ chức thực hiện dự án trên địa bàn đảm bảo hiệu quả, phù hợp với các quy định; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện trên địa bàn theo quy định, gửi Trung tâm Y tế tổng hợp báo cáo chung.

d) Nguồn vốn thực hiện: Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 3.406 triệu đồng;

- Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương theo quy định tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3. Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Mục tiêu, nhiệm vụ: Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

b) Đối tượng, nội dung hỗ trợ: Quy định tại khoản a tiểu mục 4 Mục III Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Phân công thực hiện

- Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn huyện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

- Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp- Giáo dục thường xuyên huyện được giao kinh phí tổ chức thực hiện phối hợp các cơ quan có liên quan, UBND các xã triển khai các nội dung hỗ trợ đảm bảo hiệu quả, phù hợp với các quy định; báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

d) Nguồn vốn thực hiện: Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 5.638 triệu đồng;

Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương theo quy định tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

3.2. Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Mục tiêu, nhiệm vụ: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động, ưu tiên người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận

nghèo, hộ mới thoát nghèo.

b) Đối tượng, nội dung hỗ trợ: Quy định tại khoản c tiểu mục 4 Mục III Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện trên địa bàn; đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

d) Nguồn vốn thực hiện: Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 1.576 triệu đồng;

Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương theo quy định tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

4.1. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Mục tiêu, nhiệm vụ: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, bao trùm, bền vững nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

b) Đối tượng, nội dung hỗ trợ: Quy định tại khoản b tiểu mục 6 Mục III Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Trung tâm Văn hóa thể thao và Truyền thông và các cơ quan có liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

d) Nguồn vốn thực hiện: Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 722 triệu đồng;

5. Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình

5.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a) Mục tiêu, nhiệm vụ: Tập huấn nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo ở các cấp nhằm hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, phòng ngừa, hạn chế người dân rơi vào tình trạng nghèo đói; bảo đảm thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

b) Đối tượng, nội dung hỗ trợ: Quy định tại khoản a tiểu mục 7 Mục III Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ

tướng Chính phủ.

c) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

d) Nguồn vốn thực hiện: Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 2.381 triệu đồng;

5.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

a) Mục tiêu, nhiệm vụ

- Thiết lập quy trình, hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình;

- Tổ chức giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình, đảm bảo thực hiện đúng mục tiêu, đúng đối tượng và quy định của pháp luật.

b) Đối tượng, nội dung hỗ trợ: Quy định tại khoản b tiểu mục 7 Mục III Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 ban hành Kèm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Phân công thực hiện: Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức thực hiện; kiểm tra, giám sát, đánh giá và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

d) Nguồn vốn thực hiện: Vốn sự nghiệp ngân sách trung ương: 902 triệu đồng.

V. DỰ KIẾN NGUỒN VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Dự kiến nguồn vốn thực hiện Chương trình: Dự kiến nhu cầu vốn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 từ nguồn vốn ngân sách trung ương và đối ứng ngân sách địa phương: **48.519 triệu đồng**, trong đó:

- Vốn ngân sách trung ương: 47.119 triệu đồng, bao gồm:

+ Vốn sự nghiệp: 47.119 triệu đồng (căn cứ vốn trung ương của HĐND và UBND tỉnh phân bổ hàng năm theo quy định).

- **Vốn ngân sách địa phương:** Dự kiến khoảng 1.400 triệu đồng.

- Ngoài ra, được thực hiện lồng ghép từ các nguồn vốn hợp pháp khác: Các chương trình mục tiêu quốc gia, tín dụng, đóng góp của nhân dân...

2. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình: Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

VI. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Huy động và sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình

1.1. Vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình được bố trí trong kế hoạch tài chính 5 năm, dự toán ngân sách hằng năm theo từng nguồn vốn.

- Ngân sách trung ương theo thông báo vốn của Trung ương, HĐND, UBND, sở, ban, ngành tỉnh.

- Ngân sách địa phương đảm bảo cân đối, bố trí vốn đối ứng thực hiện Chương trình. Tỷ lệ vốn đối ứng theo quy định tại Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

1.2. Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn thực hiện theo Nghị quyết số 13/2022/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

1.3. Thanh toán, quyết toán vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình theo quy định của Chính phủ về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án theo quy định tại Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Lồng ghép nguồn vốn trong thực hiện Chương trình

2.1. Nguyên tắc, nội dung, quy trình, thủ tục thanh toán, quyết toán các nguồn vốn lồng ghép thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ

2.2. Cơ chế lồng ghép nguồn vốn giữa các chương trình mục tiêu quốc gia, giữa các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác (theo Nghị quyết 41/2022/NQ-HĐND ngày 20/9/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu); cơ chế huy động và sử dụng nguồn lực thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh (theo Nghị quyết 42/2022/NQ-HĐND ngày 20/9/2022 của HĐND tỉnh Lai Châu).

3. Về cơ chế quản lý, thực hiện

3.1. Ban Chỉ đạo các cấp

- **Cấp huyện:** Thực hiện theo Quyết định số 1541/QĐ-UBND ngày 06/5/2022 về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 huyện Tam Đường; Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực, quản lý, điều phối, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

- **Cấp xã:** Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn chỉ đạo thành lập Ban quản lý xã, thị trấn và Ban phát triển bản, khu dân cư theo Điều 26, Nghị định 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình MTQG.

3.2. Cơ chế thực hiện

- Thực hiện cơ chế hỗ trợ, phân cấp, trao quyền cho địa phương, cơ sở; tăng cường sự tham gia của người dân trong thực hiện Chương trình. Khuyến khích, mở rộng hoạt động tạo việc làm công cho lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo... thông qua các dự án đa dạng hóa sinh kế, mô hình giảm nghèo và dự án hỗ trợ phát triển sản xuất.

- Thực hiện cơ chế đấu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định hiện hành về giáo dục nghề nghiệp, tạo việc làm, truyền thông về giảm nghèo đa chiều; tập huấn, tư vấn chuyển giao kỹ thuật, quản lý mô hình, dự án sinh kế; cơ chế hỗ trợ trực tiếp người học nghề thuộc đối tượng của Chương trình.

- Áp dụng thống nhất các cơ chế, quy trình trong thực hiện các dự án, tiểu dự án của Chương trình; ưu tiên lựa chọn các nội dung hỗ trợ có định mức cao hơn; đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung hỗ trợ đầu tư của các dự án, tiểu dự án thuộc Chương trình trên cùng một địa bàn, cùng một đối tượng thụ hưởng.

- Áp dụng cách tiếp cận giảm nghèo dựa vào cộng đồng; mở rộng và tạo điều kiện để tăng cường sự tham gia của người dân về các hoạt động của Chương trình; bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện Chương trình.

4. Về công tác tuyên truyền

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến rộng rãi, quán triệt đầy đủ đến các ngành, các cấp và cộng đồng dân cư, nhất là người nghèo, hộ nghèo về quan điểm chỉ đạo và nội dung chương trình giảm nghèo của huyện thông qua các phương tiện thông tin đại chúng (báo, đài truyền thanh, truyền hình); tổ chức tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước về giảm nghèo; thực hiện các chuyên mục thông tin tuyên truyền phổ biến các mô hình, các cách làm hay, sáng tạo, có hiệu quả về giảm nghèo và kết quả hoạt động của chương trình; giáo dục ý thức tự lực vươn lên, không ỷ lại cho hộ nghèo, người nghèo. Thông qua đó nâng cao trách nhiệm về công tác giảm nghèo cho toàn xã hội.

- Đồi mới phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau”; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, phát huy nội lực vươn lên “thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no” của người dân và cộng đồng, phấn đấu “Vì một Việt Nam không còn đói nghèo”.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội

- Chủ trì phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể liên quan hướng dẫn các xã, thị trấn xây dựng và thực hiện kế hoạch Chương trình MTQG giảm nghèo giai đoạn và hàng năm.

- Tổng hợp, đề xuất kế hoạch và dự kiến phương án phân bổ vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo giai đoạn và hàng năm, gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan thành viên BCD các Chương trình MTQG huyện kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình; tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo theo quy định.

2. Phòng Tài chính – Kế hoạch

- Thực hiện chức năng cơ quan tổng hợp Chương trình.

- Chủ trì, phối hợp với Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội và các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch hàng năm, tổng hợp kinh phí sự nghiệp ngân sách trung ương đảm hoạt động của Kế hoạch thực hiện Chương trình.

- Hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình.

3. Các cơ quan thành viên BCD chủ trì dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần thuộc Chương trình

- Lập kế hoạch vốn ngân sách trung ương giai đoạn và hàng năm để triển khai các hoạt động phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện Chương trình, gửi Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định.

- Hướng dẫn cấp cơ sở triển khai các chỉ tiêu, nhiệm vụ và tổ chức thực hiện nội dung thành phần thuộc chương trình được phân công chủ trì.

- Rà soát, xác định địa bàn, đối tượng, nội dung chính sách, hướng dẫn địa phương để tổ chức thực hiện bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp với các chương trình, dự án, đề án khác.

- Theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao, rà soát, quyết định hoặc hướng dẫn các đơn giá, định mức hỗ trợ, đầu tư, bảo đảm phù hợp và tuân thủ quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp các cơ quan có liên quan tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nguồn lực và các chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung thành phần của Chương trình chủ trì, thực hiện công tác báo cáo theo quy định.

- Báo cáo kết quả thực hiện nội dung thành phần và sử dụng nguồn vốn được giao, gửi về Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp theo quy định.

4. Đề nghị Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị xã hội huyện: Chỉ đạo Ủy ban MTTQVN và các tổ chức chính trị cấp xã tổ chức tốt công tác tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên và toàn dân hưởng ứng, tham gia các cuộc vận động, các phong trào hỗ trợ giảm nghèo như “Ngày vì người nghèo”; “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; “Cả nước chung tay vì người nghèo, không ai bị bỏ lại phía sau”, thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, động viên khích lệ tính chủ động, tinh thần tự lực tự cường của người dân vươn lên thoát nghèo; thực hiện giám sát, phản biện xã hội trong quá trình tổ chức triển khai Chương trình.

5. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Xây dựng kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn và hàng năm; dự kiến kinh phí và gửi cơ quan chủ trì dự án, tiểu dự án thành phần, cơ quan chủ trì quản lý Chương trình và các cơ quan liên quan theo quy định.

- Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, tích cực huy động thêm các nguồn lực khác tại địa phương thực hiện Chương trình.

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, bảo

đảm hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát, lãng phí.

- Tổ chức giám sát, đánh giá và báo cáo thực hiện Chương trình trên địa bàn định kỳ, đột xuất theo quy định.

6. Chế độ báo cáo

- Các ngành, các xã, thị trấn chấp hành nghiêm chế độ báo cáo định kỳ kết quả thực hiện các hoạt động của chương trình theo định kỳ quý, 06 tháng, năm; báo cáo đánh giá giữa kỳ và các báo cáo đột xuất khi có yêu cầu về UBND huyện (*Qua phòng Lao động - Thương binh và Xã hội*) để tổng hợp.

- Thời gian gửi báo cáo:

+ Báo cáo quý: trước ngày 25 của tháng cuối quý.

+ Báo cáo 6 tháng: trước ngày 20 của tháng cuối quý 2.

+ Báo cáo năm: trước ngày 15 tháng 11 của tháng cuối năm.

+ Báo cáo giữa kỳ: trước ngày 15 tháng 11 năm 2023.

+ Báo cáo 5 năm: trước ngày 15 tháng 11 năm 2025.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 của UBND huyện Tam Đường, yêu cầu các cơ quan, ban, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Lao động - TB&XH;
- TT. Huyện ủy, TT. HĐND huyện;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Thành viên BCD các CTMTQG huyện;
- **UBND các xã, thị trấn;**
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vũ Xuân Thịnh